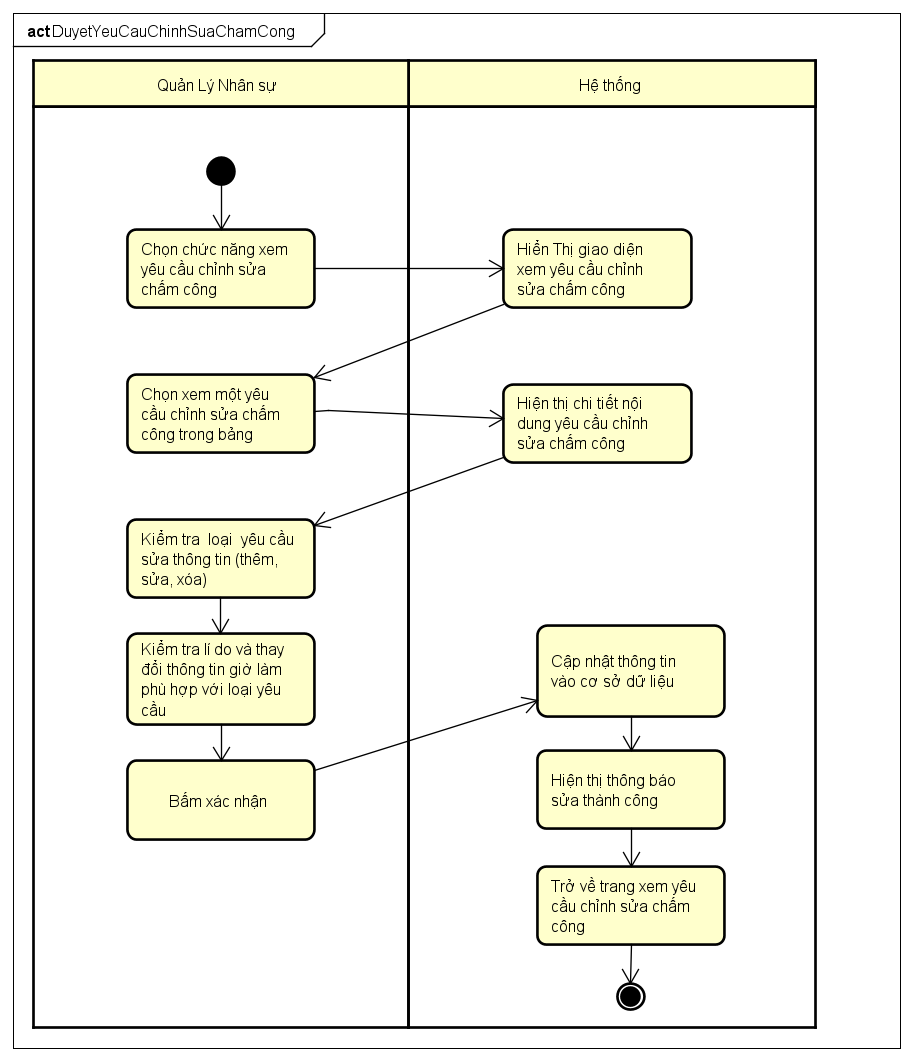
Tổng hợp bài tập tuần – Trương Đăng Biển – 20200063

**Bài tập tuần 2**

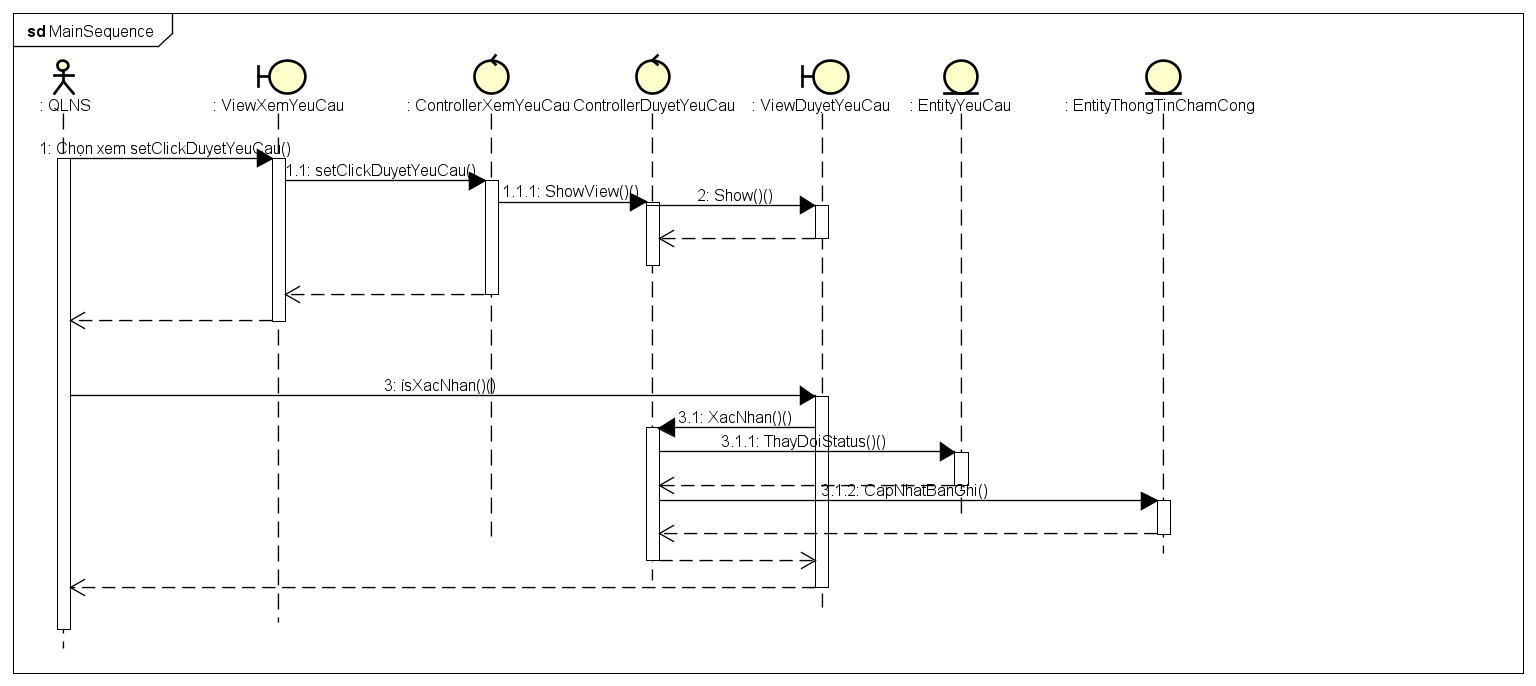
## Use case “Duyệt yêu cầu chỉnh sửa chấm công”

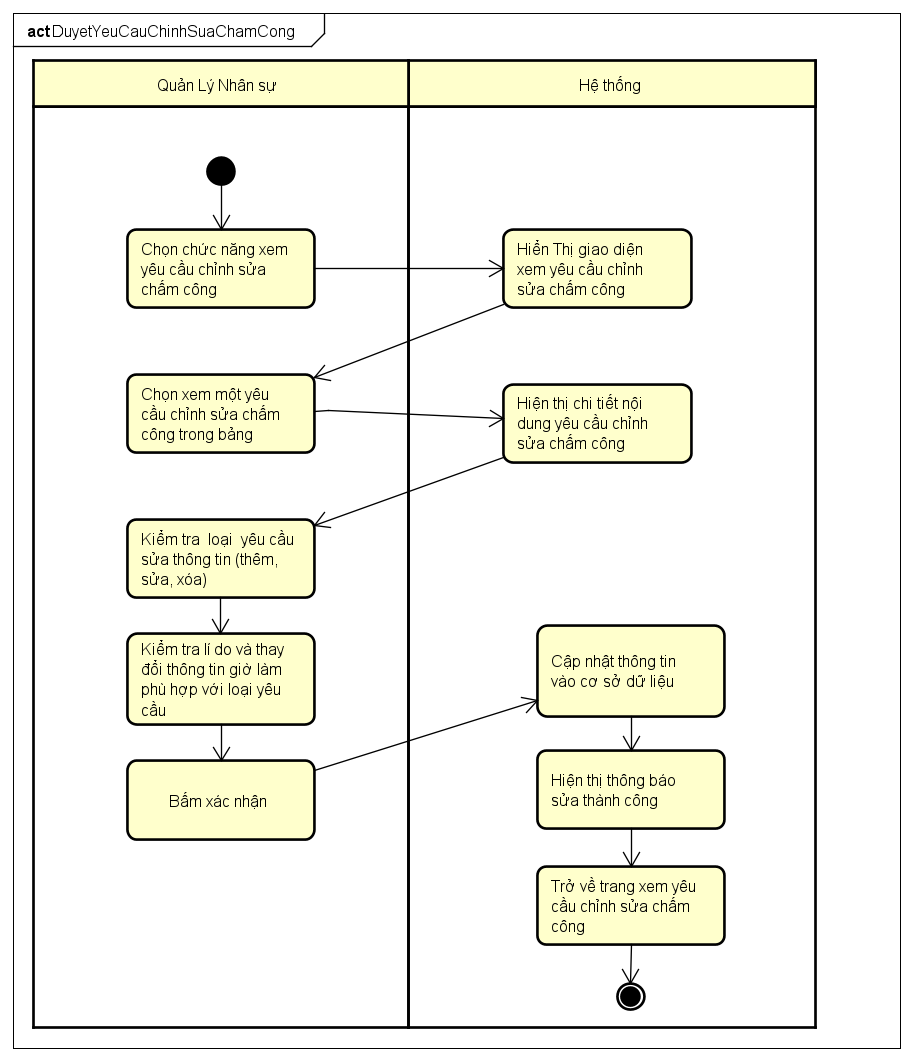
|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Mã Use case | UC00 | Tên Use case | Duyệt yêu cầu chỉnh sửa chấm công |
| Tác nhân | Quản lý nhân sự | | |
| Tiền điều kiện | Đăng nhập thành công với tư cách người quản lý nhân sự, đã truy cập giao diện xem yêu cầu chỉnh sửa thông tin chấm công | | |
| Luồng sự kiện chính  (Thành công) | |  |  |  | | --- | --- | --- | | STT | Thực hiện bởi | Hành động | |  | Quản lý nhân sự | Chọn chức năng xem yêu cầu chỉnh sửa chấm công | |  | Hệ thống | Hiện thị giao diện xem yêu cầu chỉnh sửa chấm công | |  | Quản lý nhân sự | Click vào một yêu cầu chỉnh sửa chấm công trong bảng các yêu cầu ở giao diện | |  | Hệ thống | Hiện thị chi tiết nội dung yêu cầu chỉnh sửa chấm công | |  | Quản lý nhân sự | Kiểm tra hành động sửa thông tin (thêm, sửa, xóa) | |  | Quản lý nhân sự | Kiểm tra lí do và thay đổi thông tin giờ làm phù hợp với loại yêu cầu | |  | Quản lý nhân sự | Bấm duyệt | |  | Hệ thống | Cập nhật thông tin vào cơ sở dữ liệu | | 9. | Hệ thống | Hiện thị thông báo sửa yêu cầu thành công, quay lại trang xem yêu cầu chỉnh sửa chấm công, | | | |
| Luồng sự kiện thay thế | |  |  |  | | --- | --- | --- | | STT | Thực hiện bởi | Hành động | | 9a. | Hệ thống | Thông báo cập nhật không thành công | | | |
| Hậu điều kiện | Không | | |

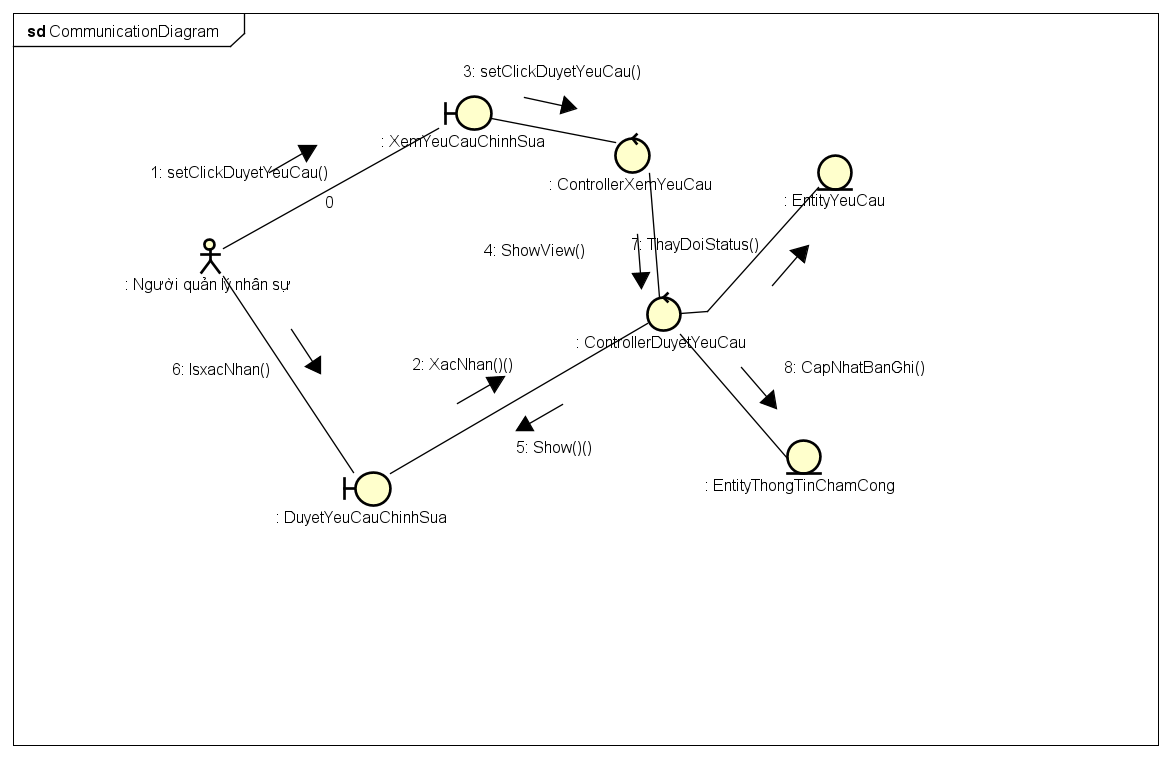
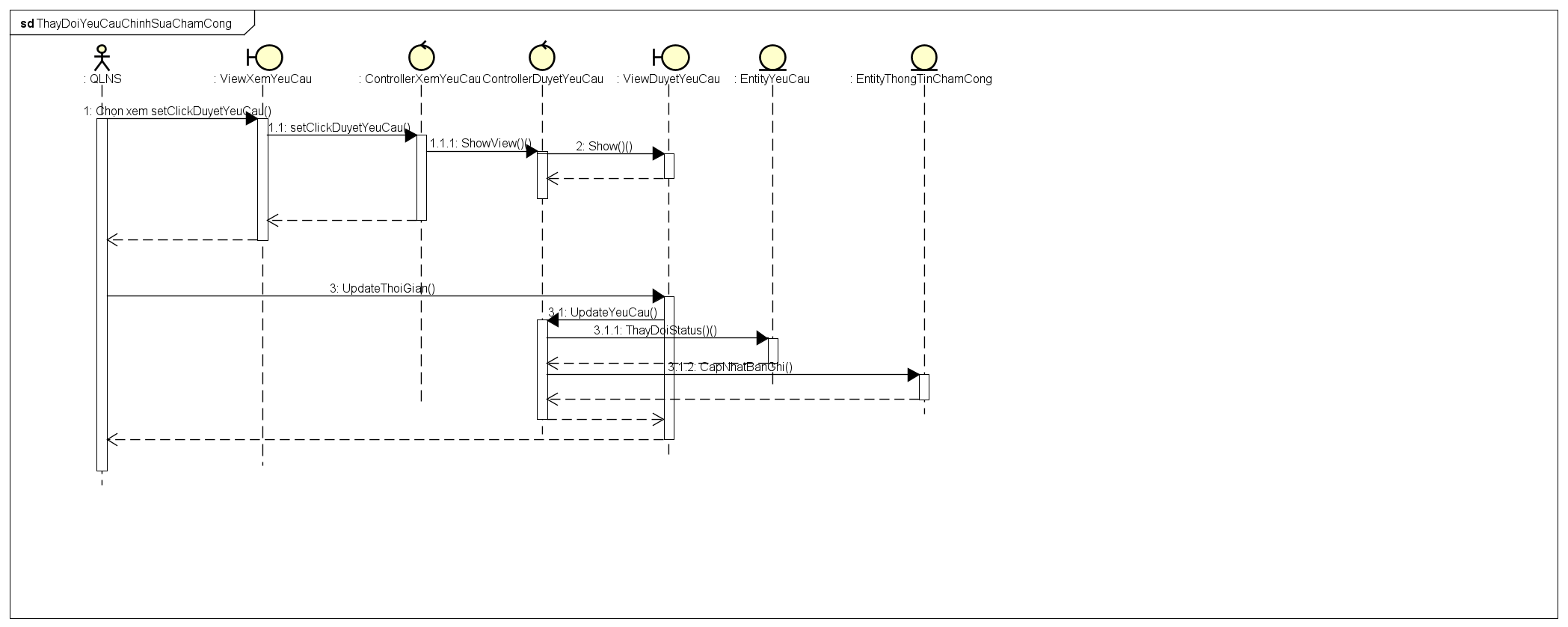
**ACTIVITY DIAGRAM**

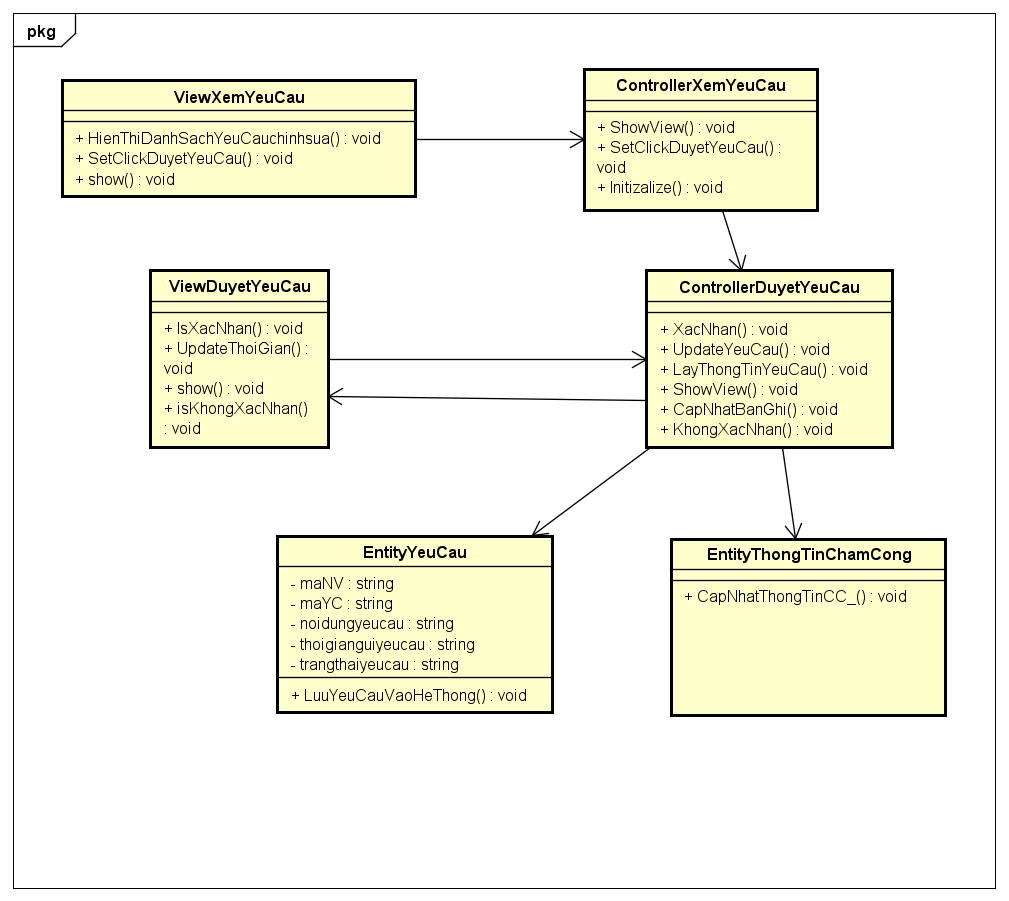


**Bài tập tuần 3**

****



****

****

**Bài tập tuần 4**



Tên giao diện : Duyệt yêu cầu chỉnh sửa chấm công   
Chức năng: Cho phép xét duyệt chấp thuận/ từ chối yêu cầu chỉnh sửa thông tin chấm công

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Thành phần | Sử dụng | Chức năng |
| Xác nhận | Click | Chấp thuận yêu cầu chỉnh sửa chấm công |
| Không xác nhận | Click | Không chấp thuận yêu cầu chỉnh sửa |
| Nút giờ (6h30) | Select | Chọn giờ cần thêm/sửa/xóa hoặc từ chối yêu cầu chỉnh sửa |
| Vùng hiển thị thông tin bảng | Xuất hiện ban đầu | Hiển thị thông tin về yêu cầu chỉnh sửa |
| Nút minh chứng | Click | Mở hình ảnh minh chứng |
| Thanh điều hướng | Click | Chuyển sang chức năng khác |
| Nút đăng xuất | Click | Thoát khỏi tài khoản |

Các thành phần của bảng

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Trường | Kích thước | Loại | Mô tả |
| Lí do | 800 ký tự | Text | Lí do yêu cầu chỉnh sửa |
| Ngày | 8 ký tự | Date | Ngày cần sửa |
| Minh chứng | 200kb | Image | Ảnh minh chứng |



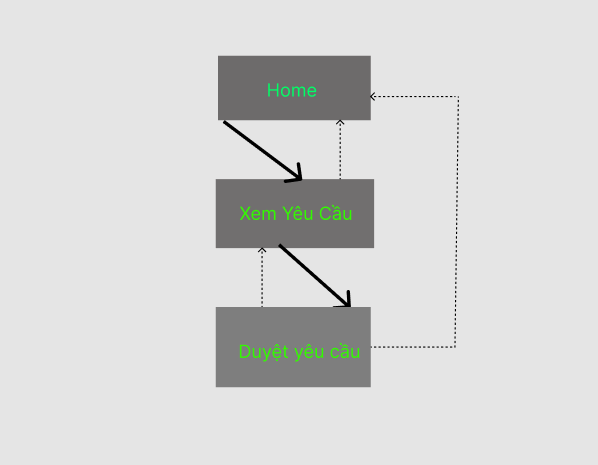
Tên giao diện : Xem yêu cầu chỉnh sửa chấm công

Chức năng: Hiển thị danh sách yêu cầu sửa thông tin chấm công trong tháng

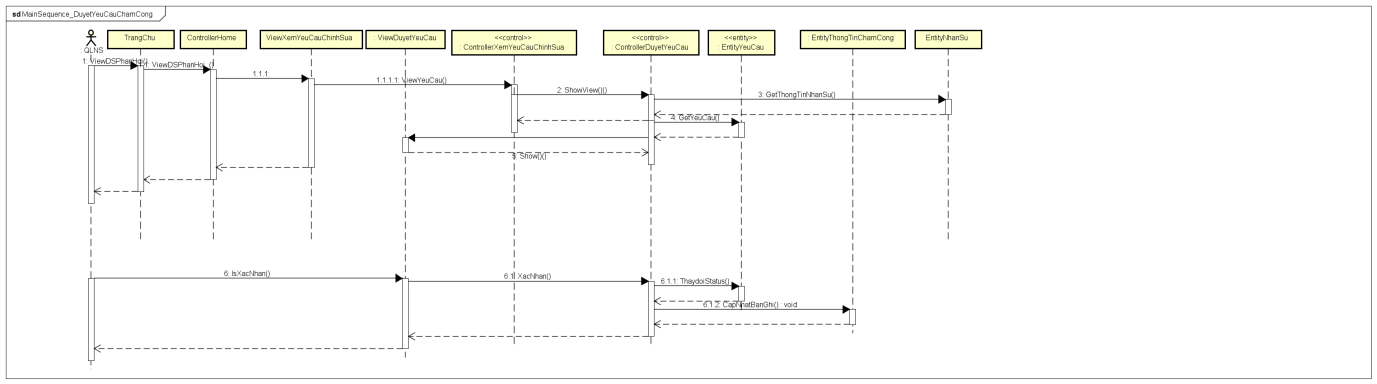
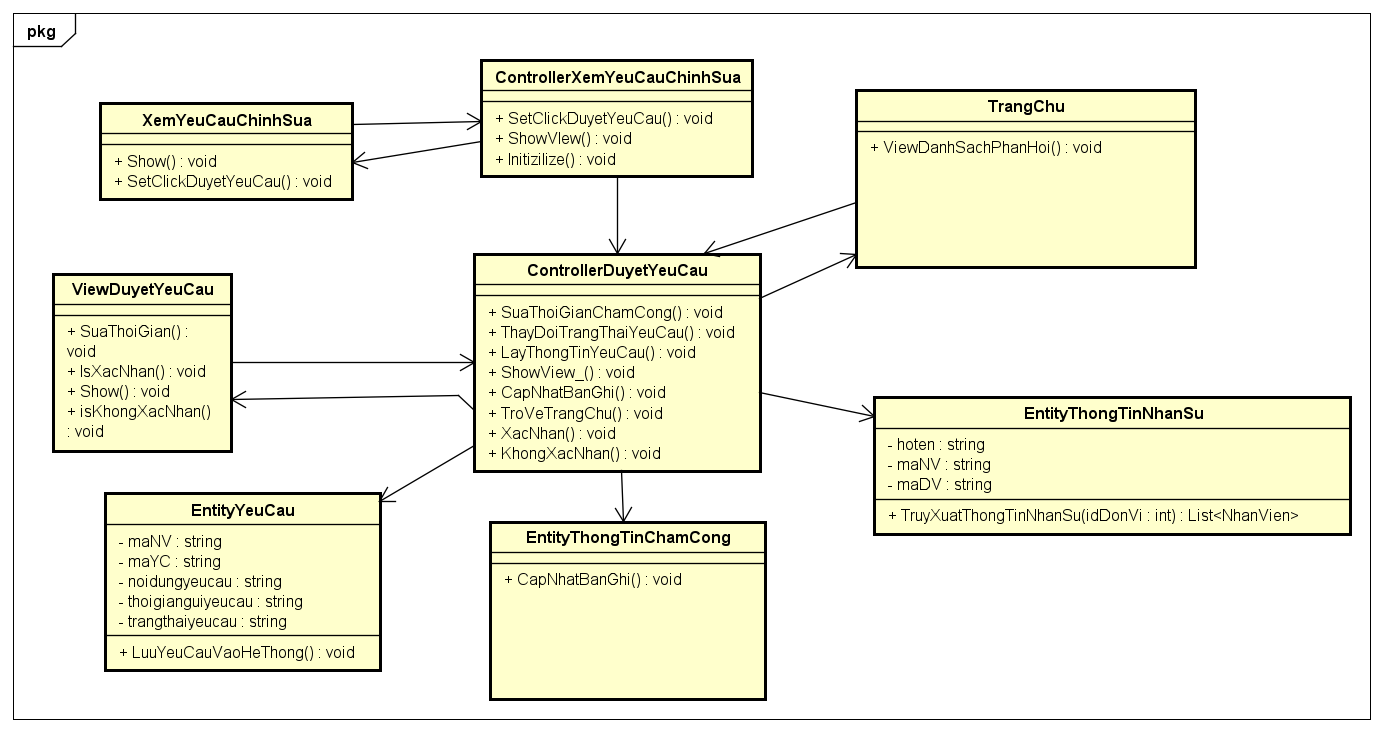
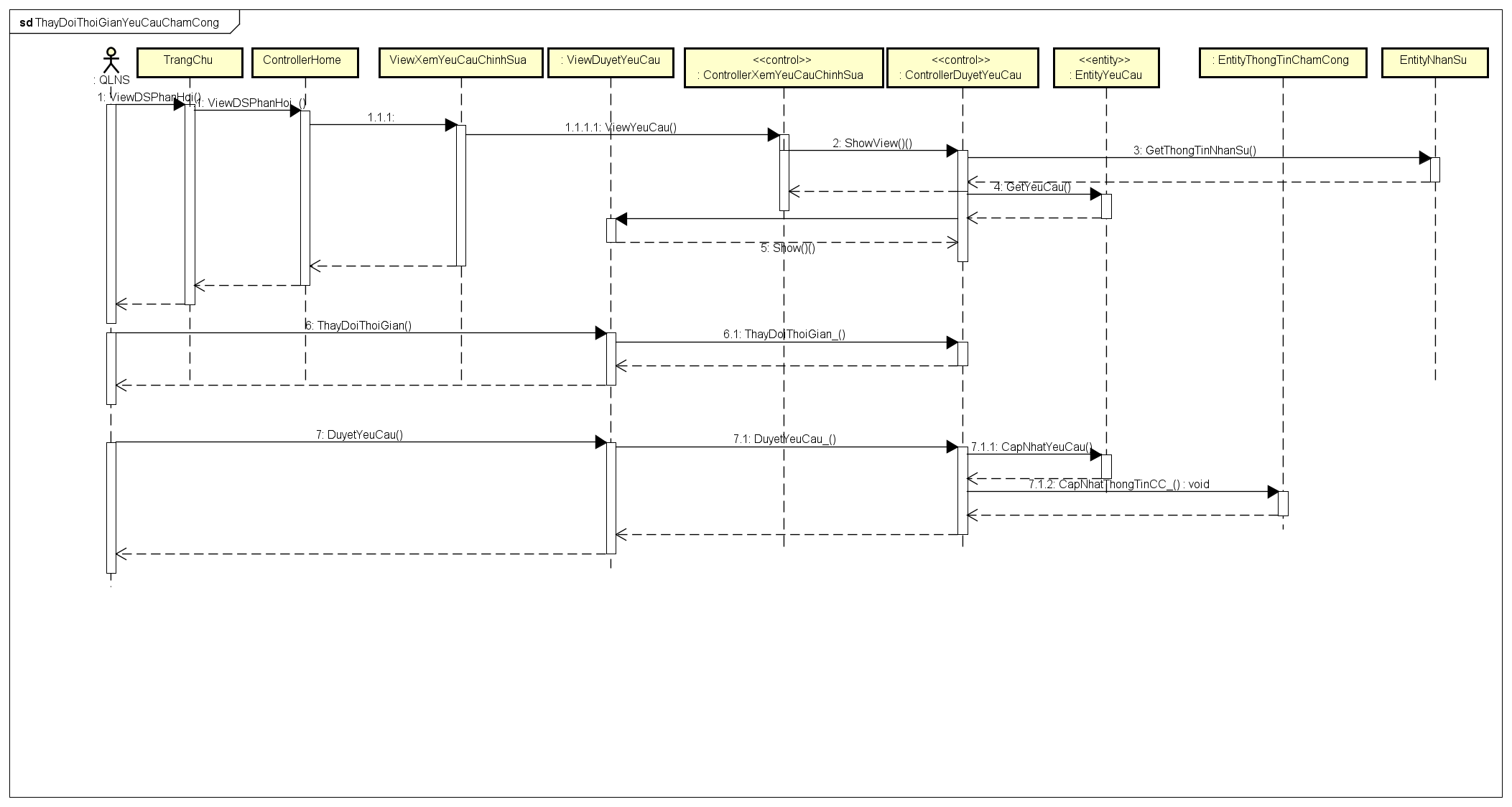
|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Thành phần | Sử dụng | Chức năng |
| Vùng hiển thị thông tin bảng | Xuất hiện ban đầu | Hiển thị danh sách yêu cầu chỉnh sửa |
| Nút yêu cầu | Click | Điều hướng tới giao diện sửa thông tin chấm công |
| Thanh điều hướng | Click | Chuyển sang chức năng khác |
| Nút đăng xuất | Click | Thoát khỏi tài khoản |

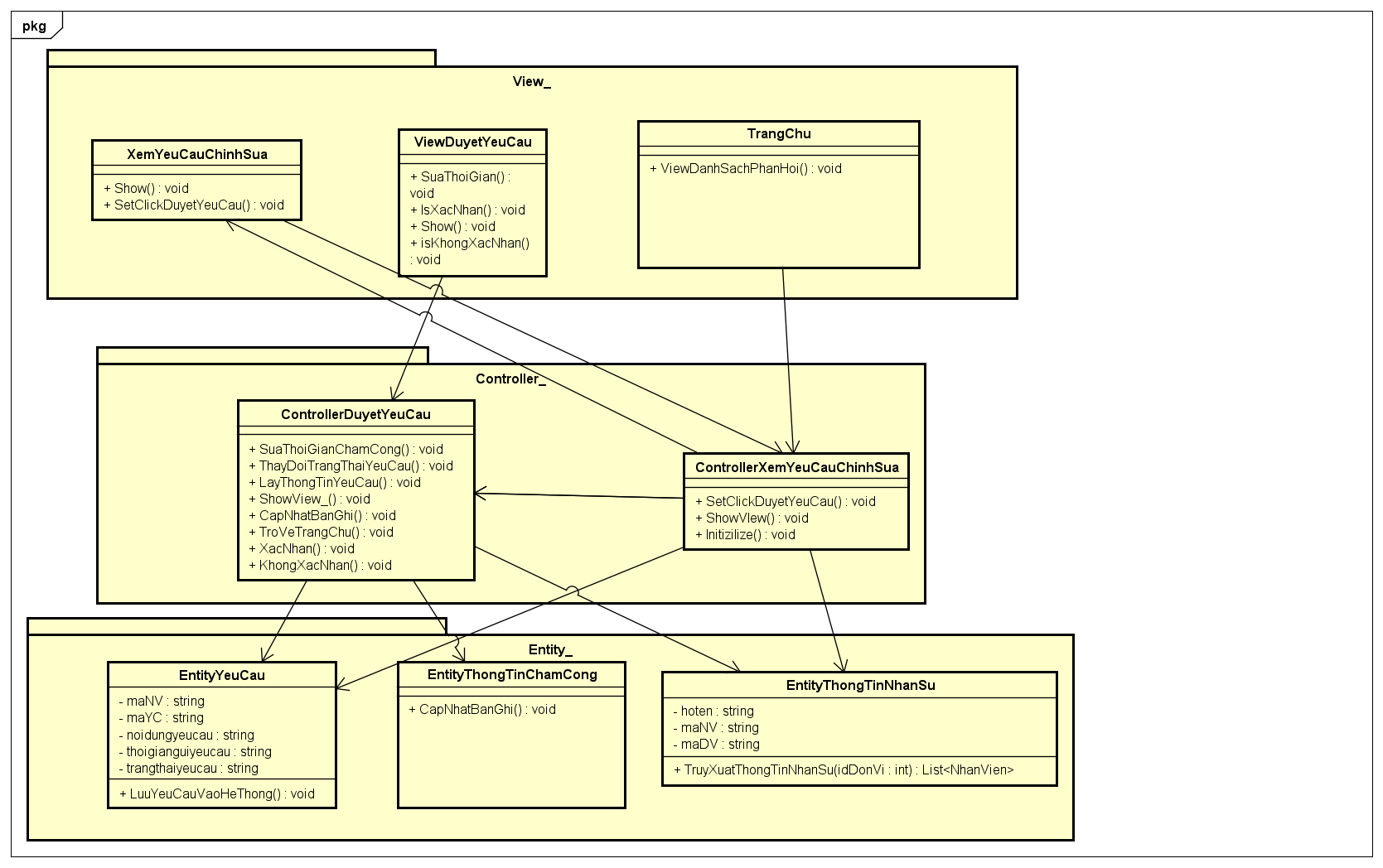
Các thành phần của bảng

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Trường | Kích thước | Loại | Mô tả |
| Lí do | 800 ký tự | Text | Lí do yêu cầu chỉnh sửa |
| Yêu cầu | 20 ký tự | Text | Loại chỉnh sửa, và link đến yêu cầu cần sửa |
| Họ tên | 40 ký tự | Text | Họ tên đầy đủ của nhân viên |
| Mã nhân viên | 8 ký tự | Text | Mã số của nhân viên |

Sơ đồ chuyển màn hình:   


**Bài tập tuần 5**





**Bài tập tuần 6**

**Bài tập tuần 7**

1. Kiểm thử phương thức boolean checktimeWork()
   1. Mô tả

- Mục đích : Kiểm tra giờ chấm công có trong khung làm việc (từ 0h -> 9h)

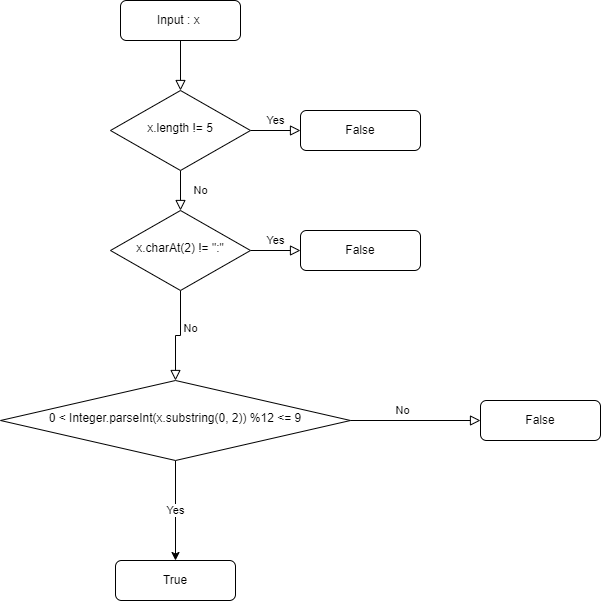
- Đầu vào là : TimeWork - chuỗi string cần kiểm tra

* 1. Kiểm thử hộp đen

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| testcase | TC1 | TC2 | TC3 | TC4 |
| timeWork | 12:00 | 8:30 | 08:30 | 5:130 |
| Experted output | False | False | True | False |
| Ouput | Success | Success | Success | Success |

* 1. Kiểm thử hộp trắng

Luồng điều khiển:



-Từ sơ đồ trên ta tạo ra test case phủ hết các nhánh :

+ Test case 1:

+ Test Case 2 :